TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 4 - 2026
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Thuỳ Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Hai.**

2. Ông **Nguyễn Thanh Niên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2026/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu phố Liêm B, phường Bồng S, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T và chị B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày như sau*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Hoàng B kết hôn vào ngày 28.5.2013 Tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống, hai vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Đã sống ly thân thời gian dài, vợ chồng không còn tình cảm.

Nay anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng B.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Khôi N, sinh năm 2012.

Sau ly hôn anh Nguyễn Thanh T thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hoàng B nuôi dưỡng, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản ghi ý kiến chị Nguyễn Thị Hoàng Biểu trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hoàng B và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đặc biệt, vợ chồng đã không còn sống chung trong thời gian rất dài (hơn 10 năm), anh T không quan tâm, chăm sóc, cũng như không có trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình. Trong thời gian sống ly thân, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không nhận được sự hỗ trợ đầy đủ và thường xuyên từ anh T.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hỏn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị Hoàng B đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

Chị B và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Khôi N (sinh năm 2012). Hiện tại con chung đang sống chung với chị B và chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung một cách liên tục, ổn định, đảm bảo đầy đủ các điều kiện về ăn ở, học tập và phát triển.

Trong khi đó, anh Nguyễn Thanh T không trực tiếp nuôi con, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người cha trong thời gian dài, việc quan tâm, chăm sóc là rất hạn chế.

Hiện nay, con chung đang có cuộc sống ổn định về tâm lý, học tập và sinh hoạt khi ở cùng chị B. Việc thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của con chung. Do đó, chị B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

- Đồng thời, đề nghị anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm:***

1. 01 Căn cước công dân (Bản photo);
2. 01 Giấy khai sinh (Bản sao chứng thực);
3. 01 Trích lục kết hôn (Bản sao);
4. 01 Văn bản trình bày ý kiến (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng B có địa chỉ tại ấp 2, xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị B theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng B vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

[5] Căn cứ Bản sao trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân phường Bồng S, thị xã Hoài N, tỉnh Bình Định thể hiện anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Hoàng B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 28/5/2013, đã có đủ cơ sở

xác định quan hệ hôn nhân của anh T và chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tình cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung với nhau hơn 10 năm nay, nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể đoàn tụ được; do đó, anh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị B. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng B cho rằng trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn; do đó, chị B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên anh T yêu cầu ly hôn với chị B là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về con chung: Anh T và chị B đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Khôi N, sinh ngày 24/7/2012, con chung hiện đang sống với chị B. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh T đồng ý giao con chung cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[9] Xét thấy, chị B đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Khôi N. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án chị B cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống cũng như nhằm đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần nên cần giao cháu Khôi N cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, anh T và chị B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị Biểu cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm con của anh T theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thanh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị Hoàng B yêu cầu anh Nguyễn

Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi theo quy định pháp luật.

Xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con", do đó anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng Khôi N là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Căn cứ vào Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết", đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của anh T là bao nhiêu, do đó chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là không có cơ sở. Vì vậy, anh T tự nguyện cấp dưỡng theo quy định pháp luật là phù hợp.

Biết rằng, tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng là anh T đang cư trú (phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai thuộc vùng IV) là 3.700.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 1.850.000 đồng (1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú) từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung Nguyễn Hoàng Khôi N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị B đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[12] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng B.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Hoàng B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Khôi N, sinh ngày 24/7/2012.

Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Hoàng B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Buộc anh Nguyễn Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng Khôi N, sinh ngày 24/7/2012, với mức cấp dưỡng là 1.850.000 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000452 ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 9 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thuỳ Vân